



Khả năng phục hồi và triển vọng kinh tế Việt Nam hậu khủng hoảng



GS.TS. NGUYỄN THANH TUYỀN

1. Những cách tiếp cận khác nhau về cuộc khủng hoảng kinh tế ở VN

Cuộc khủng hoảng kinh tế ở VN đã có dấu hiệu từ hiện tượng biến động của chỉ số giá cả (CPI) từ cuối năm 2005 và cao điểm của nó vào quý I/2008 khi CPI tiệm cận 20% so với năm 2005. Từ những động thái đó, xuất hiện những cách nhận định khác nhau về sức khỏe của nền kinh tế. Nhưng chung qui lại, có hai cách tiếp cận chủ yếu:

Một là, đánh giá quá bi quan về hiện trạng kinh tế và đổ lỗi cho điều hành kinh tế vĩ mô; đồng thời nghi ngờ những đối sách mà Chính phủ đưa ra để kiểm soát lạm phát và phục hồi kinh tế.

Hai là, cần cẩn trọng khi đánh giá một sự kiện quan trọng và cần

cách nhìn toàn diện từ tác động nội sinh, ảnh hưởng của ngoại lực, các nhân tố khách quan, chủ quan khác mới hội đủ căn cứ đánh giá chuẩn xác nguyên nhân tác hại của nó và tìm ra các đối sách tương thích và phù hợp.

Theo chúng tôi, khủng hoảng đang diễn biến là cuộc khủng hoảng toàn cầu. Để đánh giá thấu đáo, cần đi sâu vào 2 tác nhân chính yếu là nội sinh và ngoại lực.

1.1. Về nội sinh:

Phải nhìn nhận khách quan rằng, với tín hiệu khởi đầu của cuộc khủng hoảng, kinh tế VN vẫn đang đứng trước những chuyển biến tích cực (dựa vào các số liệu thống kê về các tiêu chí kinh tế chủ yếu). Nhưng khác với cuộc khủng hoảng kinh tế châu Á 1997, VN không đứng ngoài cuộc mà đã thực sự nhập cuộc

với trào lưu kinh tế thế giới. Do vậy với những thách thức nghiệt ngã của cuộc khủng hoảng kinh tế toàn cầu, VN không thể đơn phương chống đỡ.

1.2. Về ngoại lực:

Cũng như các nước khác, VN đã gánh chịu áp lực nặng nề của cuộc khủng hoảng toàn cầu mà khởi đầu là cuộc khủng hoảng năng lượng và những hậu quả của nó như tỷ giá hối đoái, giá vàng ... Cuộc khủng hoảng hệ thống của thế giới, mà trước hết chịu ảnh hưởng từ các nước phát triển hàng đầu, kinh tế VN lâm vào thế khó khăn, mà tác động nổi bật nhất là thị trường thương mại quốc tế. Do cơ cấu thị trường này, kim ngạch xuất khẩu chiếm tới 70% GDP của VN bị ảnh hưởng trầm trọng. Đứng trước những thách thức đó, Chính phủ VN đã chủ động tìm ra các giải



pháp ứng phó. Sự trải nghiệm của các đối sách đó, có thể đánh giá khái quát là hợp lý và đang phát huy hiệu quả.

2. Những giải pháp đã trải nghiệm và hiệu quả

Đề ứng phó với cuộc khủng hoảng đang diễn ra, Chính phủ đã đưa ra nhiều giải pháp và có thể phân thành giải pháp trước mắt (tình thế) và giải pháp lâu dài (chiến lược) để kiểm soát lạm phát.

2.1. Các giải pháp “nhạy cảm” trước mắt:

Không chế lãi suất tiền gửi dưới 12%, trong bối cảnh các ngân hàng thương mại chạy đua lãi suất lên tới 14-15%, đặc biệt lãi suất ngắn hạn từ 1-3 tuần, lên 13% năm, cá biệt lên 18% năm.

Các giải pháp không chế lãi suất trên có thể nói là phù hợp với điều kiện kinh tế VN ngay trong thời điểm đó. Do vậy chỉ sau vài tháng lãi suất dần được xác lập lại trật tự, vượt qua cơn sốt tín dụng nói trên, tháng 6/2008 Ngân hàng Nhà nước cho tháo gỡ trần lãi suất vay 12% và cho vay 18% (19/5/08) và tiếp tục điều chỉnh trần lãi suất vay 14% và cho vay 21% (11/6/2008), đã đáp ứng được yêu cầu của thị trường tín dụng theo diễn tiến của thị trường tiền tệ. Với những giải pháp tình thế đó, đến cuối năm 2008 và đầu 2009 lãi suất tín dụng đã hạ nhiệt để có kết quả như hiện nay. Có thể nói đó là những giải pháp có trình tự bài bản, hợp lý, và hiệu lực tức thời.

2.2. Đánh giá các giải pháp căn cơ:

Trong 8 giải pháp có tính chiến lược mà Chính phủ đưa ra gồm:

a. Các giải pháp có tính chất quyết định: chính sách thắt chặt tiền tệ, chính sách tài khóa, chính sách phát triển công nghiệp, nông nghiệp, lương thực, thực phẩm, xuất khẩu, giảm nhập siêu;

b. Các giải pháp hỗ trợ: tiết kiệm trong sản xuất tiêu dùng, hạn chế tối đa các dòng tiền tham gia lưu thông để kiềm chế lạm phát;

c. Các giải pháp đồng bộ, giải quyết hài hòa giữa kinh tế và an sinh xã hội trong bối cảnh lạm phát.

Các giải pháp căn cơ này được thẩm thấu và dần kiểm soát được lạm phát một cách hữu hiệu.

Bên cạnh đó, vào cuối năm 2008 và năm 2009, Chính phủ đã tung ra các gói kích hoạt kinh tế (theo chúng tôi nên gọi là kích thích kinh tế để tránh sự phiến diện nếu gọi là kích cầu), hỗ trợ lãi suất 4% cho các đối tượng được khuyến khích, đồng thời chấn chỉnh lại hoạt động của các tập đoàn và các tổng công ty nhà nước. Về cơ bản các giải pháp này đều đi vào hiệu lực. Nhiều tổ chức quốc tế như WB, IMF, ADB đều đánh giá cao kết quả của những giải pháp đó trong quá trình hồi phục kinh tế của VN.

3. Những tín hiệu khả quan cho phục hồi kinh tế

Nhìn vào các mức tăng trưởng kinh tế do Chính phủ điều chỉnh từ 6,5 xuống 5% (2009) tại kỳ họp Quốc hội thứ 5 khóa XII, có thể nảy sinh nhiều cách nhận định khác nhau về khả năng phục hồi của kinh tế VN. Song xét trên 2 nhân tố ảnh hưởng quan trọng đến suy giảm kinh tế, thì kinh tế nội sinh đang có những chuyển biến tích cực (tăng 2,8 %), còn

ngoại lực vẫn là trở ngại lớn mà tiêu điểm của ảnh hưởng đó là sự giảm sút đáng kể lượng kim ngạch xuất khẩu, đang chiếm giữ khoảng 70% GDP của VN – theo đó là sự biến động bất lợi của tỷ giá hối đoái dẫn đến diễn biến khó lường của giá vàng và những yếu tố khác làm cản ngại cho sự phục hồi kinh tế.

Tuy vậy có không ít những tín hiệu khả quan cho sự phục hồi, đó là:

Thứ nhất, kinh tế nội lực đã tăng trưởng và tiếp tục tăng trưởng.

Thứ hai, vốn đầu tư nước ngoài vẫn tiếp tục được duy trì 5 tháng đầu năm, vốn FDI đã lên đến 6,8 tỉ USD.

Thứ ba, trong năm 2009 nhà máy lọc dầu Dung Quất đã cho ra sản phẩm và sẽ đưa vào hoạt động 15 nhà máy điện và nhiều công trình cơ sở hạ tầng kinh tế xã hội khác.

Thứ tư, CPI có tăng nhưng chậm.

Thứ năm, chỉ số chứng khoán (VN-Index) đang phục hồi ở mức trên 450 điểm.

Thứ sáu, số người mất việc đang được tiếp nhận vào những chỗ làm khác, làm giảm áp lực thất nghiệp.

Thứ bảy, nông nghiệp ổn định và tăng trưởng, tạo nền tảng vững chắc cho ổn định chính trị xã hội.

Thứ tám, các gói kích hoạt kinh tế đang dần đi vào hiệu lực.

Thứ chín, mặc dù đối đầu với khủng hoảng nhưng Chính phủ vẫn bảo đảm ở mức cần thiết về an sinh xã hội cho các đối tượng thuộc diện chính sách.

Thứ mười, điều hành kinh tế



vĩ mô luôn được điều chỉnh thích ứng với khủng hoảng toàn cầu. Nhìn chung kinh tế VN đã vượt qua “đáy” khủng hoảng theo mặt bằng toàn cầu.

Thứ mười một, kinh tế toàn cầu đã vượt qua thời kỳ khó khăn nhất, nhìn ra thế giới nếu hiện nay có 94/116 nước không tăng trưởng hoặc tăng trưởng âm (ví dụ Thái Lan dự báo trong năm 2009 tăng trưởng âm 2,5-3,5%) thì VN nằm trong 22 nước có tăng trưởng dương mặc dù thâm hụt ngân sách có thể lên 8%.

Đại diện của WB nhận định: “VN vượt qua năm 2008 khá thành công dù phải đối phó với 2 cú sốc nội sinh và ngoại lực...”, cũng theo WB: “Chính phủ VN đã mau chóng vượt qua giai đoạn khó khăn và lèo lái nền kinh tế khá tốt. Chính do ý thức một cách rõ ràng những rủi ro gây ra nên đã áp dụng các giải pháp thích ứng”.

Những phân tích trên thể hiện những tín hiệu khả quan cho thời kỳ phục hồi kinh tế VN, đồng thời dựa vào những dữ liệu này chúng tôi dự báo việc phục hồi kinh tế VN trải qua 2 bước:

Bước 1: là thời kỳ khởi đầu của phục hồi kinh tế. Thời kỳ này có thể là cuối năm 2009 và đầu năm 2010.

Bước 2: bước vào phục hồi kinh tế, có thể diễn ra từ năm 2011.

4. Những dự báo triển vọng kinh tế VN thời hậu khủng hoảng

Trải qua cuộc đối đầu bằng những giải pháp kinh tế quyết liệt và linh hoạt với suy giảm kinh tế bởi 2 trở lực từ nội sinh và “ngoại nhập”, kinh tế VN đã từng bước tìm được lối ra. Tuy

nhiên vẫn còn nhiều trở ngại, mà trong đó tác động của ngoại lực với sự ảm chứa khủng hoảng toàn cầu có thể coi là rào cản lớn trong tiến trình hồi phục kinh tế VN. Bởi khủng hoảng toàn cầu đã làm thay đổi tỷ giá hối đoái, làm suy giảm kim ngạch xuất khẩu, mà kim ngạch xuất khẩu là yếu tố quan trọng đối với tăng trưởng kinh tế.

Đến nay mặc dù có những thông tin ngược chiều song những tín hiệu ban đầu cho thấy kinh tế toàn cầu đặc biệt là các nước kinh tế phát triển đang có những động thái tích cực.

Trong bối cảnh đó, nhìn lại và phân tích toàn cảnh sự diễn tiến cuộc khủng hoảng kinh tế VN, bắt nguồn từ nguyên nhân phát sinh, sức đề kháng nội tại, tác động ngoại lực các giải pháp nhằm chống đỡ của Chính phủ VN và những ảnh hưởng khách quan và chủ quan khác, đã lộ rõ bức tranh lạc quan cho quá trình hồi phục kinh tế.

Cuộc khủng hoảng kinh tế toàn cầu đang diễn biến là áp lực làm trì trệ nền kinh tế VN nhưng cũng được coi là cơ hội để VN tái cấu trúc nền kinh tế, xác lập mặt bằng kinh tế mới, hướng tới sự phát triển bền vững hơn trong điều kiện VN tiến sâu vào hội nhập kinh tế toàn cầu. Mặt khác hậu quả của cuộc khủng hoảng này cũng sẽ là tác nhân cho việc tái cấu trúc kinh tế quốc tế theo hướng cân bằng, hợp tác và bền vững hơn.

Dự báo kinh tế VN hậu khủng hoảng

Có 2 quan điểm chủ yếu khác nhau trong nhận định về kinh tế VN hậu khủng hoảng:

Quan điểm thứ nhất, sau khi thoát ra cuộc khủng hoảng, kinh tế VN tăng trưởng chậm và sau thời gian không ngắn mới có thể tăng tốc.

Quan điểm thứ hai, hậu khủng hoảng kinh tế VN có nhiều cơ hội phát triển nhanh, có những bước đột phá trực diện theo hướng hiện đại hóa và nhiều khả năng trở thành con rồng mới của châu Á.

Dù tiếp cận theo quan điểm nào song để đảm bảo kinh tế tăng trưởng nhanh, hiệu quả bền vững, kinh tế VN vẫn phải tiến hành theo hai hướng chủ yếu:

- Một là, nhanh chóng tái cấu trúc các ngành, các lĩnh vực kinh tế nhạy cảm nhất với những hậu quả do cuộc khủng hoảng để lại.

- Hai là, điều chỉnh các lĩnh vực, các quan hệ kinh tế tương thích và trào lưu chung của hội nhập kinh tế toàn cầu.

4.1 Các lĩnh vực nhạy cảm với tái cấu trúc hậu khủng hoảng

Đó là các ngành kinh tế quan trọng đã được thử thách của cuộc khủng hoảng và có nhu cầu bức xúc đổi mới cơ cấu, quy mô, phương thức hoạt động và điều chỉnh lại mục tiêu cho thích ứng với những động thái mới của nền kinh tế.

Kết quả này sẽ tạo một nền tảng cho việc chuyển hóa nền kinh tế có tính đột phá, hậu thuẫn hoặc định hướng cho trật tự kinh tế mới đối với quá trình tăng trưởng và phát triển kinh tế hậu khủng hoảng - các ngành đó là:

a. Lĩnh vực tài chính tiền tệ:

Tài chính tiền tệ luôn là công cụ kinh tế nhạy cảm trong mọi không gian kinh tế thời khủng hoảng, nó giữ vai trò phát hiện,



chẩn trị, kiểm soát lạm phát, và điều tiết kinh tế, đây là khâu trọng yếu trong tái cấu trúc kinh tế và cần hướng tới:

- Cấu trúc lại chính sách tài khóa theo hướng minh bạch, công khai và hội nhập.

- Cơ cấu lại hệ thống ngân hàng theo hướng mở rộng quy mô về vốn, tập trung hóa ngân hàng để hình thành những ngân hàng mạnh có tầm cỡ và khả năng cạnh tranh khu vực quốc tế, mở cửa cho ngân hàng quốc tế tham gia vào thị trường tài chính VN theo cam kết WTO, giảm thiểu các ngân hàng nhỏ (trong điều kiện VN chúng cần thiết nhưng tỷ lệ không quá 30%) và nâng cao hơn vai trò điều tiết của Ngân hàng Trung ương bằng các chính sách điều hành vĩ mô.

- Mở rộng hoạt động của các định chế tài chính trung gian khác, đặc biệt là hệ thống kinh doanh tiền tệ phi ngân hàng đã đáp ứng linh hoạt nhu cầu vốn

cho các doanh nghiệp ở mọi cấp độ khác nhau.

- Đa dạng hóa các dịch vụ ngân hàng trong quan hệ tín dụng đối nội và đối ngoại.

b. Tạo thể cân đối mới giữa thị trường quốc tế và thị trường nội địa:

Trong cuộc khủng hoảng, thị trường xuất khẩu của VN bị co hẹp phải có thời gian để hồi phục, trước mắt cần sớm cấu trúc lại tương quan giữa thị trường quốc tế và thị trường nội địa, đặc biệt là hướng đến thị trường nội địa, theo nguyên tắc khai thác tối đa sức mua của thị trường trong nước, đặc biệt là thị trường nông thôn chiếm 70% dân số quốc gia.

- Trong cơ cấu của thị trường xuất khẩu, cần khai thác thêm các thị trường mới, đặc biệt là Đông Âu, châu Phi và Mỹ Latinh, tranh thủ các thị trường ngách, “thị trường cơ hội” để tăng xuất khẩu.

- Đối với thị trường nội địa, khai thác tối đa các vùng tiềm năng có mức thu nhập bình quân cao, đông dân số, giao thông, du lịch, các mặt giao lưu khác phát triển.

c. Lĩnh vực bất động sản:

Thị trường bất động sản nóng lên và hạ nhiệt trong quá trình diễn ra lạm phát, điều này có nhiều nguyên nhân. Song để giữ bình ổn thị trường này lâu dài, sau cuộc khủng hoảng cần:

- Hoàn chỉnh cơ chế quản lý bất động sản từ chính sách điều hành vĩ

mô đến quản lý của các

địa phương theo nguyên tắc công khai và công bằng.

- Triển khai các hình thức thuế thích hợp, đối với kinh doanh bất động sản trong điều kiện VN có tính tới các thông lệ quốc tế.

- Phát triển cân đối giữa kinh doanh bất động sản vì lợi nhuận và kinh doanh bất động sản phục vụ an sinh xã hội.

- Hình thành các ngân hàng lớn chuyên doanh bất động sản để hỗ trợ tích cực cho các nhà đầu tư bất động sản.

- Thực hiện cơ chế bình đẳng xóa bỏ quan hệ xin – cho trong lĩnh vực kinh doanh bất động sản.

d. Đối với các tập đoàn và tổng công ty nhà nước:

Trong điều kiện kinh tế nhà nước giữ vai trò chủ đạo thì các tập đoàn kinh tế và tổng công ty nhà nước đang là các đầu tàu kinh tế ở VN. Để nâng cao vị thế đó



trong quá trình kinh tế hậu lạm phát, cần có những bước hoàn thiện thích ứng:

- Tập trung vốn 90% vào nhiệm vụ kinh doanh chính yếu của các tập đoàn kinh tế và tổng công ty, hạn chế việc đầu tư phân tán vốn vào các hoạt động ngoài nhiệm vụ kinh doanh chính.

- Trao quyền tự chủ thực sự cho các tập đoàn kinh tế và tổng công ty nhà nước theo hướng tách biệt giữa quản lý nhà nước về kinh tế và quản lý kinh doanh.

- Tạo điều kiện cho các tập đoàn và các tổng công ty mở rộng liên doanh với các tập đoàn kinh tế quốc tế và tìm kiếm thị trường đầu tư ra nước ngoài có lợi và hiệu quả.

e. Về thị trường chứng khoán:

Thị trường chứng khoán là đầu mối quan trọng để phát ra các thông điệp về sức khỏe của nền kinh tế. Đây cũng là kênh cung cấp thông tin quan trọng, đáng tin cậy cho dự báo kinh tế.

Vai trò này chỉ có thể được bảo đảm bởi các thông tin trung thực, chuẩn xác loại trừ các thông tin nhiễu, phản ứng nhanh với hiện tượng đầu cơ, làm suy yếu sự lành mạnh của thị trường chứng khoán. Để thực hiện được vai trò này trong bối cảnh kinh tế sau khủng hoảng, cần thực hiện công khai, minh bạch, kịp thời các diễn biến của thị trường, dựa trên cơ sở tiếp tục hoàn thiện cơ chế điều hành hoạt động của thị trường chứng khoán có tính hệ thống trong mối quan hệ hữu cơ giữa quản lý nhà nước (UBCKNN), quản lý kinh doanh chứng khoán tập trung và không tập trung, các công ty chứng khoán và các công ty cổ phần tham gia thị trường



chứng khoán theo nguyên tắc “tiền đăng, hậu kiểm”.

4.2 Điều chỉnh các lĩnh vực và các quan hệ kinh tế hậu khủng hoảng.

Song song với tái cấu trúc các ngành kinh tế nhạy cảm, cần tiến hành đồng thời điều chỉnh các lĩnh vực và các quan hệ kinh tế thích ứng với yêu cầu của kinh tế hậu khủng hoảng và xu thế hội nhập toàn cầu:

a. Xác lập tương quan hợp lý giữa đầu tư theo chiều rộng và chiều sâu thời kỳ hậu khủng hoảng:

Trước hết cần phân biệt khái niệm của 2 phạm trù trên.

Có thể hiểu đầu tư theo chiều rộng là đầu tư mới các công trình kinh tế - xã hội và kết quả là làm tăng tích lũy kinh tế quốc dân và đầu tư theo chiều sâu là đầu tư để hiện đại hóa công nghệ trên các công trình đang hoạt động.

Đầu tư theo chiều rộng thời hậu khủng hoảng cần chọn lọc theo hướng trang bị công nghệ hiện đại có tác động thúc đẩy

công cuộc công nghiệp hóa.

Đầu tư theo chiều sâu phải được thay thế hoặc trang bị mới bằng công nghệ tiên tiến. Có như vậy mới đẩy nhanh hơn nhịp độ tăng trưởng kinh tế và phát triển bền vững theo mục tiêu hoàn thành cơ bản công nghiệp hóa đất nước vào năm 2020.

b. Đổi mới tư duy đầu tư cho nông nghiệp:

Trong cuối thập niên 80 của thế kỷ trước, chúng ta đã từng khẳng định “muốn ổn định phải có lương thực; muốn đi lên phải có dầu khí”. Đến nay ý tưởng đó vẫn còn giá trị. Nông nghiệp vẫn đang là nền tảng của nền kinh tế VN (KVI) và muốn công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước một cách bền vững phải đi từ cải tạo nông nghiệp theo hướng công nghiệp hóa.

Tuy nhiên thực trạng đầu tư cho nông nghiệp chưa tương xứng với vai trò của nó trong nền kinh tế quốc dân. Cần có cuộc “cách mạng” toàn diện về ứng dụng công nghệ sinh học, cây



trồng, vật nuôi và cơ giới hóa tiến tới tự động hóa trong canh tác và sau thu hoạch. Trong mối liên quan đó, một yếu tố quan trọng không thể không đề cập đến đó là Hạn điền - tức là cần phải đổi mới về chính sách Hạn điền, cho nông dân tích tụ ruộng đất. Có tích tụ ruộng đất mới đẩy nhanh được công nghiệp hóa nông thôn; bởi nó tạo cơ hội cho nông nghiệp ứng dụng mọi thành tựu khoa học hướng đến một nền nông nghiệp hiện đại.

c. Chọn lọc tiếp nhận đầu tư nước ngoài:

Chủ yếu là tiếp nhận đầu tư nước ngoài từ các nước tiên tiến, đặc biệt là công nghệ cao.

Các khu vực kinh tế trọng điểm quốc gia, cần từ chối đầu tư công nghệ thấp (gia công may mặc, da giày, gia công các sản phẩm thông dụng...); đồng thời có thể chuyển giao dần các ngành công nghệ thấp ra ngoại tỉnh để hỗ trợ các địa phương ít cơ hội tiếp nhận đầu tư nước ngoài. Mặt khác cần có sự hướng dẫn đầu tư để vực dậy các địa phương khó khăn, ít tìm được đầu tư nước ngoài.

d. Đổi mới về cơ cấu nguồn nhân lực:

Hậu khủng hoảng kinh tế hứa hẹn bước vào giai đoạn mới nhiều triển vọng. Một yêu cầu bức bách trong giai đoạn này là tái cấu trúc nguồn nhân lực, theo hướng phát triển và hội nhập bằng cách giảm lao động giản đơn, tăng nguồn lao động lành nghề, lực lượng kỹ sư tài năng và các nhà quản trị có trình độ cao v.v., nếu không đáp ứng được đòi hỏi này nền kinh tế VN khó có những bước tiến đột phá và bền vững.

4.3 Dự báo về tái cấu trúc kinh tế tài chính toàn cầu.

Sau cuộc khủng hoảng kinh tế này có thể sẽ diễn ra sự tái cấu trúc kinh tế toàn cầu trong đó, có thể bước đầu chớm nở việc phân chia lại thế lực tài chính quốc tế, với sự tham gia của Mỹ, EU, TQ, Nga, Ấn Độ và các nước công nghiệp mới và ngay cả các khối kinh tế. Đồng thời qua cuộc khủng hoảng này cũng sẽ thúc đẩy sự liên kết chặt chẽ hơn giữa các nước, đặc biệt là các nước phát triển để xác lập sự cân bằng hơn trong trật tự kinh tế thế giới. Cũng không loại trừ phát sinh sự liên kết “ngầm” giữa một số nước để bảo vệ quyền lợi quốc gia.

Mặt khác qua cuộc khủng hoảng này khái niệm về vai trò kinh tế nhà nước trong thời kỳ hiện đại, có sự điều chỉnh lại cả về lý thuyết lẫn thực tiễn, thông qua những sự kiện như: Chính phủ các nước hỗ trợ trực tiếp hàng ngàn tỷ USD vào các hoạt động cho các tập đoàn kinh tế, cũng như việc Chính phủ Mỹ tham gia 60% vốn trong công ty General Motor (GM) bởi sự phá sản của tập đoàn này từ cuộc khủng hoảng quốc tế.

4.4 Hoàn thiện điều hành kinh tế vĩ mô.

Chắc chắn rằng sau khủng hoảng kinh tế, Chính phủ VN đang hướng một cách đồng bộ vào việc hoàn thiện và chuẩn hóa chính sách, cơ chế điều hành kinh tế vĩ mô gồm:

a. Điều chỉnh lại thể chế kinh tế theo hướng toàn cầu hóa.

b. Nâng cao hơn tính hiệu lực trong điều hành kinh tế vĩ mô bằng hệ thống các giải pháp đồng bộ từ trung ương đến địa

phương.

c. Sớm thực hiện việc phân định giữa quản lý nhà nước về kinh tế với quản lý kinh doanh của các doanh nghiệp theo hướng trao quyền rộng rãi về tự chủ tài chính cho các doanh nghiệp nhà nước.

d. Thực hiện đầy đủ các cam kết với WTO từ chính sách đến luật pháp, theo đó là đẩy mạnh cải cách hành chính để đáp ứng với những cam kết đó.

Sự tái cấu trúc và điều chỉnh các lĩnh vực hoạt động kinh tế và các quan hệ trên thời hậu khủng hoảng sẽ tạo những cơ hội để kinh tế VN tăng trưởng, phát triển bền vững và bình đẳng trong hội nhập kinh tế toàn cầu.

Kết luận

Cần khẳng định rằng, lạm phát ở VN hiện nay diễn ra trong bối cảnh kinh tế phát triển theo hướng hội nhập. Hiện tượng này có thể được coi như một diễn tiến tích cực, nhằm xác lập lại mặt bằng giá mới, mặt bằng kinh tế mới, thiết chế kinh tế mới, gia cố thêm nền móng cho sự phát triển bền vững trong xu thế toàn cầu hóa của thời hậu khủng hoảng.

Hệ thống các giải pháp của Chính phủ về kiềm chế lạm phát đang diễn biến đã có hiệu lực. Với những tác động của ngoại lực và nội lực hiện hữu, cộng thêm các giải pháp toàn diện và đồng bộ trong điều hành kinh tế vĩ mô, chắc chắn lạm phát có thể được kiểm soát. Trên cơ sở đó, triển vọng mới sẽ mở ra cho kinh tế VN vững bước dần sâu vào con đường hội nhập. ●